

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
1	7420101	Sinh học	215	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Tiếng Anh - Sinh học (2) Toán - Hóa học - Sinh học (3) Toán - Công nghệ công nghiệp - Sinh học (4) Toán - Công nghệ nông nghiệp - Sinh học (5) Toán - Ngữ Văn - Sinh học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
2	7420101_DKD	Sinh học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	90	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Tiếng Anh - Sinh học (2) Toán - Hóa học - Sinh học (3) Toán - Công nghệ công nghiệp - Sinh học (4) Toán - Công nghệ nông nghiệp - Sinh học (5) Toán - Ngữ Văn - Sinh học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
3	7420201	Công nghệ Sinh học	200	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Tiếng Anh - Sinh học (2) Toán - Hóa học - Sinh học (3) Toán - Công nghệ công nghiệp - Sinh học (4) Toán - Công nghệ nông nghiệp - Sinh học (5) Toán - Ngữ Văn - Sinh học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
4	7420201_DKD	Công nghệ Sinh học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	160	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Tiếng Anh - Sinh học (2) Toán - Hóa học - Sinh học (3) Toán - Công nghệ công nghiệp - Sinh học (4) Toán - Công nghệ nông nghiệp - Sinh học (5) Toán - Ngữ Văn - Sinh học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
5	7440102_DKD	Vật lý học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	140	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Vật lý - Ngữ Văn (4) Toán - Vật lý - Lịch Sử (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Vật lý - Sinh học

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
6	7440102_NN	Nhóm ngành Vật lý học (CT: 150), Công nghệ Vật lý điện tử và tin học (CT: 70)	220	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Vật lý - Ngữ Văn (4) Toán - Vật lý - Lịch Sử (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
7		Công nghệ Vật lý điện tử và tin học (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	60	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Vật lý - Ngữ Văn (4) Toán - Vật lý - Lịch Sử (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
8		Công nghệ bán dẫn	70	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Vật lý - Ngữ Văn (4) Toán - Vật lý - Lịch Sử (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
9	7440112	Hoá học	230	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Hóa học - Vật lý (2) Toán - Hóa học - Sinh học (3) Toán - Hóa học - Ngữ văn (4) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Công nghệ công nghiệp (6) Toán - Hóa học - Công nghệ nông nghiệp
10	7440112_DKD	Hóa học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	150	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Hóa học - Vật lý (2) Toán - Hóa học - Sinh học (3) Toán - Hóa học - Ngữ văn (4) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Công nghệ công nghiệp (6) Toán - Hóa học - Công nghệ nông nghiệp

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
11	7440122	Khoa học Vật liệu	150	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Ngữ Văn - Hóa học (3) Toán - Ngữ Văn - Vật Lý (4) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (6) Toán - Hóa học - Sinh học
12	7440122_DKD	Khoa học Vật liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	80	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Ngữ Văn - Hóa học (3) Toán - Ngữ Văn - Vật Lý (4) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (6) Toán - Hóa học - Sinh học
13	7440201_NN	Nhóm ngành Địa chất học (CT: 40), Kinh tế đất đai (CT: 100)	140	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý – Hoá học (2) Toán - Lịch sử - Địa lý (3) Toán - Ngữ văn - Vật lý (4) Toán - Ngữ văn - Địa lý (5) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (6) Toán - Địa lý - Tiếng Anh
14	7440228	Hải dương học	50	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Ngữ văn (3) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (4) Toán - Vật lý - Sinh học (5) Toán - Vật lý - Địa lý (6) Toán - Vật lý - Tin học
15	7440228_DKD	Hải dương học (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	40	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Ngữ văn (3) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (4) Toán - Vật lý - Sinh học (5) Toán - Vật lý - Địa lý (6) Toán - Vật lý - Tin học

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
16	7440301	Khoa học Môi trường	125	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Sinh học - Hóa học (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tin học
17	7440301_DKD	Khoa học Môi trường (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	80	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Sinh học - Hóa học (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tin học
18	7460101_NN	Nhóm ngành Toán học (Toán học, Toán ứng dụng, Toán tin)	180	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Sinh học (4) Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh
19	7460112_DKD	Toán ứng dụng (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	40	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Sinh học (4) Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh.
20	7460117_DKD	Toán tin (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	40	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Sinh học (4) Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh.

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
21	7460108_NN	Nhóm ngành Khoa học dữ liệu (CT:40), Thống kê (CT:40)	80	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Sinh học (4) Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh.
22	7460108_DKD	Khoa học dữ liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	60	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Sinh học (4) Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh.
23	7480101_TT	Khoa học máy tính (Chương trình Tiên tiến)	90	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Tin học - Tiếng Anh (5) Toán - Vật Lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh
24	7480107	Trí tuệ nhân tạo	90	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Tin học - Tiếng Anh (5) Toán - Vật Lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh
25	7480201_DKD	Công nghệ thông tin (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	530	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Tin học - Tiếng Anh (5) Toán - Vật Lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
26	7480201_NN	Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Khoa học máy tính)	490	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Tin học - Tiếng Anh (5) Toán - Vật Lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh
27	7510401_DKD	Công nghệ kỹ thuật Hoá học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	155	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Hóa học - Vật lý (2) Toán - Hóa học - Sinh học (3) Toán - Hóa học - Ngữ văn (4) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Công nghệ công nghiệp (6) Toán - Hóa học - Công nghệ nông nghiệp
28	7510402	Công nghệ Vật liệu	180	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Ngữ Văn - Hóa học (3) Toán - Ngữ Văn - Vật Lý (4) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (6) Toán - Hóa học - Sinh học
29	7510402_DKD	Công nghệ Vật liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	60	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Ngữ Văn - Hóa học (3) Toán - Ngữ Văn - Vật Lý (4) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (6) Toán - Hóa học - Sinh học
30	7510406	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	125	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Sinh học - Hóa học (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tin học

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
31	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	150	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Tiếng Anh - Tin học (4) Toán - Vật lý - Tin học (5) Toán - Vật lý - Sinh học (6) Toán - Tiếng Anh - Sinh học
32	75202a1	Thiết kế vi mạch	80	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Tiếng Anh - Tin học (4) Toán - Vật lý - Tin học (5) Toán - Vật lý - Sinh học (6) Toán - Tiếng Anh - Sinh học
33	7520207_DKD	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	120	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Tiếng Anh - Tin học (4) Toán - Vật lý - Tin học (5) Toán - Vật lý - Sinh học (6) Toán - Tiếng Anh - Sinh học
34	7520402	Kỹ thuật hạt nhân	60	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Vật lý - Ngữ Văn (4) Toán - Vật lý - Lịch Sử (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
35	7520403	Vật lý y khoa	40	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Vật lý - Ngữ Văn (4) Toán - Vật lý - Lịch Sử (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Vật lý - Sinh học

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
36	7520403_DKD	Vật lý y khoa (chương trình tăng cường tiếng Anh)	40	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Vật lý - Ngữ Văn (4) Toán - Vật lý - Lịch Sử (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
37	7520501	Kỹ thuật địa chất	35	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hoá học (2) Toán - Ngữ văn - Vật lý (3) Toán - Ngữ văn - Hoá học (4) Toán - Ngữ văn - Địa lý (5) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (6) Toán - Địa lý - Tiếng Anh
38	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	110	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Sinh học - Hóa học (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tin học
39	7140103	Công nghệ giáo dục	100	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (4) Toán - Ngữ văn - Vật lý (5) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (6) Toán - Hóa học - Sinh học